

# Hồ Chí Minh với trí thức tôn giáo

Hoàng Thị Thuận \*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích tư tưởng của Hồ Chí Minh trong việc tập hợp sử dụng, bồi dưỡng và đãi ngộ trí thức tôn giáo nhằm phát huy vai trò của họ trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của trí thức nói chung và trí thức tôn giáo nói riêng. Với chủ trương giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, Người luôn quan tâm, tạo điều kiện để trí thức tôn giáo phát huy vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại trí thức tôn giáo cũng luôn coi Người là linh hồn của khối đại đoàn kết và là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Tư tưởng của Người đối với trí thức tôn giáo là cơ sở lý luận quan trọng của Đảng ta trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

**Từ khóa:** Hồ Chí Minh; trí thức; tôn giáo; đại đoàn kết dân tộc; Việt Nam.

## 1. Mở đầu

Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của trí thức nói chung và trí thức tôn giáo nói riêng. Theo Người trí thức là người có tri thức, có tầm hiểu biết sâu rộng. Đặc điểm này cũng là của trí thức tôn giáo, bởi vì trí thức tôn giáo là người trí thức theo một tôn giáo nhất định. Người viết: “Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ là trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái tri thức đó áp dụng vào thực tế” [4, tr.275].

Hồ Chí Minh nhận thức thấu đáo mối quan hệ giữa trí thức với tôn giáo. Đối với Người, tôn giáo là một thành tố cấu thành của nền văn hóa; sự tồn tại của tôn giáo trong đời sống xã hội là tất yếu và khách quan. Người trí thức tôn giáo nhận thức được giá trị nhân văn, nhân đạo mà các tôn

giáo hướng đến để vận dụng vào cuộc sống. Trí thức tôn giáo tuy đề cao đức tin tôn giáo nhưng không phải là những người chỉ biết đến các đẳng tối cao. Trí thức tôn giáo chân chính luôn gắn liền đạo với đời, gắn giáo lý tôn giáo với hiện thực cuộc sống. Người khẳng định sự tương đồng và gắn bó của đức tin tôn giáo với lòng yêu nước. Người nhấn mạnh: “Dân tộc có giải phóng thì tôn giáo mới giải phóng được. Lúc này chỉ có quốc gia và không phân biệt tôn giáo nữa, mỗi người đều là công dân của nước Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc” [4, t.3, tr.10].

Sức hấp dẫn của Hồ Chí Minh đối với trí thức tôn giáo không chỉ ở sự đánh giá khách quan của Người về vai trò trí thức tôn giáo trong lĩnh vực đời sống tâm linh hay trong cách mạng, mà quan trọng hơn còn là ở chỗ Người thấu hiểu tâm tư, tình cảm, trí tuệ và nguyện vọng của họ. Tuy

---

(\*) Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.  
ĐT: 0989927867. Email: Thuantb01@gmail.com.

đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng nhưng Hồ Chí Minh không đố kỵ hay đả kích tôn giáo. Đối với Hồ Chí Minh, trong người trí thức tôn giáo luôn có hai con người cùng tồn tại, là con người công dân và con người tôn giáo. Đó là kết quả của sự gắn kết giữa lòng yêu nước và đức tin tôn giáo. Trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, trí thức tôn giáo cũng là một bộ phận quan trọng của cách mạng. Họ có nhiệm vụ tuyên truyền để đồng bào tôn giáo hiểu đường lối của Đảng, thấy được mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích tôn giáo, tin và đứng về phía cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, trí thức tôn giáo khi đảm nhận các chức sắc nhất định thì không chỉ chăm sóc phần hồn mà còn phải chú trọng tới việc chăm sóc phần xác cho nhân dân để đảm bảo phần xác ấm no, phần hồn thông dong. Muốn vậy, trí thức tôn giáo phải luôn chú ý tới tâm tư và nguyện vọng cũng như các điều kiện sinh hoạt thiết yếu, phải động viên nhân dân tham gia sản xuất. Với việc “tìm ra “một hằng số” trong quan hệ Đạo - Đời, rất hữu hiệu khi giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam” [3, tr.178], Hồ Chí Minh đã đánh giá khách quan, khoa học và nhận thức sâu sắc về các giá trị nhân bản của các tôn giáo trong xã hội, có cái nhìn khách quan về trí thức tôn giáo. Tư tưởng đó là cơ sở để Người đề ra chính sách tập hợp, sử dụng, bồi dưỡng và đãi ngộ trí thức tôn giáo nhằm phát huy vai trò của họ.

## **2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về trí thức tôn giáo**

### **2.1. Về tập hợp trí thức tôn giáo**

Theo Hồ Chí Minh, Đảng và Chính phủ phải có chính sách thu hút, tập hợp trí thức tôn giáo trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Khi nhận thấy không ít tín đồ tôn giáo có nguyện vọng vào Đảng, nhưng còn lo lắng về việc phân biệt duy vật và duy tâm, Người đã dứt

khoát khẳng định: “Có anh em hỏi một người Công giáo có thể vào Đảng Lao động không? Có. Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng. Nước ta kinh tế lạc hậu, kỹ thuật kém, tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật, nhưng trong điều kiện hiện tại, người theo đạo vẫn được vào Đảng” [4, t.8, tr.53]. Như vậy, Người đối xử bình đẳng với trí thức theo tôn giáo. Người đề cao sự trung thành, lòng yêu nước và đóng góp của trí thức tôn giáo trong xây dựng đất nước và giải phóng dân tộc, “không chạm đến vấn đề đức tin” của trí thức tôn giáo. Người coi đây là mẫu số chung để đoàn kết trí thức nói chung và trí thức tôn giáo nói riêng dưới ngọn cờ của Đảng, đây là quan điểm tiên bộ. Quan điểm đó thể hiện lòng nhân ái, khoan dung của Người đối với trí thức tôn giáo, trái ngược với quan điểm cực đoan chỉ biết đến giai cấp mà không biết đến tôn giáo. Quán triệt quan điểm đó của Người, Đảng đã kết nạp nhiều đảng viên là tín đồ của các tôn giáo, trong đó có trí thức tôn giáo.

Thực hiện đúng đường lối đại đoàn kết dân tộc đã được đề ra ở *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* (tháng 2 năm 1930), trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã đưa trí thức tôn giáo về phía cách mạng. Chính vì vậy, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã ban hành nhiều chính sách thiết thực. Chẳng hạn, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã nêu lên sáu vấn đề cấp bách cần thực hiện ngay, trong đó có hai vấn đề liên quan đến tôn giáo và tín ngưỡng: “Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống” [4, t.4, tr.7] (vấn đề thứ ba); “Tôi đề nghị Chính phủ tuyên bố: Tín Ngưỡng Tự Do và Lương - Giáo đoàn kết” [4, t.4, tr.7] (vấn đề thứ sáu). Quyết định này thể hiện sự tôn

trọng đối với đồng bào tôn giáo, là cơ sở tạo điều kiện cho quan hệ tốt đẹp giữa các tôn giáo trong xã hội. Tư tưởng này còn được pháp chế hóa và ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại Điều 10, bên cạnh các quyền tự do ngôn luận, xuất bản, tổ chức và hội họp, cư trú, đi lại trong nước và ngoài nước thì công dân còn có quyền tự do tôn giáo. Từ quy định của Hiến pháp, quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo còn được cụ thể hóa trong *Sắc lệnh 234-SL* (ngày 14 tháng 6 năm 1955). Điều 1 của *Sắc lệnh* ghi rõ: “Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo tôn giáo nào. Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo” [7]. Với 16 điều cơ bản, *Sắc lệnh 234-SL* thực sự đã mang lại một cơ chế mới trong hoạt động của các tôn giáo trên mọi phương diện của đời sống, mặt khác, cũng hướng các tôn giáo tới nhiệm vụ nâng cao lòng yêu nước, nâng cao dân trí và tạo điều kiện cho trí thức tôn giáo được tham gia nhiều hơn vào công việc của đất nước. Điều đó, sau này còn được Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở, không chỉ đối với cán bộ, đảng viên mà còn là đối với các chức sắc tôn giáo. Trong *Thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ* (ngày 1 tháng 2 năm 1947), Người nhấn mạnh: “Trong Hiến pháp ta đã định rõ: Tín ngưỡng tự do. Nếu ai làm sai Hiến pháp, khiêu khích công giáo thì sẽ bị phạt” [4, tr.53].

Cùng với việc xác định các quyền tự do và dân chủ cơ bản, Hồ Chí Minh còn viết bài, gặp gỡ, gửi thư đề động viên trí thức nói chung và trí thức tôn giáo ra gánh vác nhiệm vụ của công dân đối với đất nước. Trong bài *Tìm người tài đức* (ngày 20 tháng 11 năm 1946), Người kêu gọi: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có

nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức” [4, t.4, tr.504]. Người chỉ rõ, trong số 20 triệu đồng bào, tất yếu sẽ có nhân tài. Họ có thể là người theo hoặc không theo tôn giáo, có thể là người theo Công giáo hoặc theo Phật giáo và các tôn giáo khác. Có thể coi đây là “chiều cầu hiền” của chế độ mới đối với nhân tài và trí thức. Bài viết thể hiện rõ sự đánh giá cao của Hồ Chí Minh đối với vai trò của trí thức, sự thiện chí, thiện tâm “cầu tài” của Người không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, giai cấp. Vì vậy, lời kêu gọi đó đã tác động sâu sắc tới trí thức nói chung và trí thức tôn giáo nói riêng, thúc đẩy họ tự nguyện đi theo cách mạng. Họ là các giám mục, linh mục, tu sĩ; các hòa thượng, thượng tọa, đại đức, tăng ni, bác sĩ, luật sư... Họ luôn khát khao mang lại hạnh phúc thực sự cho đồng bào tôn giáo và độc lập cho dân tộc. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đã có rất nhiều trí thức tôn giáo tự nguyện đi theo cách mạng, đóng góp vào sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc của dân tộc.

Hồ Chí Minh có rất nhiều quan điểm đặc sắc về vấn đề tôn giáo, trong đó có quan điểm khẳng định sự tương đồng giữa các tôn giáo lớn và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Chẳng hạn, Hồ Chí Minh viết: “Mục tiêu cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau: Phật Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng” [1]. Mục tiêu cao cả đó của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu cũng chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Do đó, nếu trí thức tôn giáo thấm thấu các giá trị nhân văn mà tôn giáo răn dạy, thì tất yếu họ sẽ đồng thuận với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Trí thức tôn giáo sẽ luôn đồng hành với nhân dân trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc; gắn niềm tin tôn giáo với lòng yêu nước, tạo thành sức mạnh cho chính bản thân họ.

## **2.2. Về sử dụng và bồi dưỡng trí thức tôn giáo**

Hồ Chí Minh là người luôn coi trọng công tác cán bộ. Đối với Người, cán bộ là gốc của mọi công việc. Người khẳng định: “Cách mạng rất cần trí thức và chính ra chỉ có cách mạng mới biết trọng trí thức” [4, tr.53]. Từ nhận thức sâu sắc về vai trò của trí thức tôn giáo, Hồ Chí Minh đã có những chính sách mang tính bước ngoặt trong sử dụng trí thức tôn giáo. Người đã mời rất nhiều trí thức tôn giáo tham gia công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Trong đó, hai vị Giám mục Lê Hữu Từ và Hồ Ngọc Cẩn được mời làm cố vấn tối cao của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây chính là những tấm gương trí thức tôn giáo tiêu biểu, những người đã gắn kết niềm tin tôn giáo với chủ nghĩa yêu nước. Thực tiễn đã chứng minh, hai vị Giám mục đã luôn làm tốt vai trò cố vấn của mình trong cách mạng giải phóng dân tộc với khẩu hiệu: phụng sự Thượng đế và Tổ quốc. Họ trở thành cầu nối giữa đồng bào Công giáo với đồng bào cả nước nói chung trong khối đại đoàn kết dân tộc. Không chỉ dừng ở việc đánh giá cao tài năng, mà trong khi sử dụng, Hồ Chí Minh luôn quán triệt tư tưởng tin và coi trí thức như những người bạn thân thiết. Trong bối cảnh các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chia rẽ các trí thức tôn giáo với cách mạng, Người đã có những hành động và ứng xử khéo léo, tế nhị. Điều đó được thể hiện trong *Thư gửi Cụ Lê Hữu Từ (tháng 12 năm 1949)* của Người sau sự kiện tấn công lên Việt Bắc của địch: “Sau cuộc nhảy dù của địch, dư luận xôn xao nhiều về lập trường của Cụ. Riêng phần tôi, tôi vẫn tin chắc rằng lòng ái quốc của Cụ và tình nghĩa giữa Cụ với tôi sẽ không thay đổi” [4, t.6, tr.273]. Bức thư thể hiện sự tôn trọng, tình cảm chân thành không chút định kiến, hoài nghi của Người. Do đó, trước những mưu

toan của kẻ thù họ vẫn một lòng một dạ tin vào các chính sách mà Người đã đề ra đối với đồng bào tôn giáo. Tiêu biểu như Giám mục Hoàng Văn Đoàn ở Bắc Ninh đã khẳng định chắc chắn: “Tôi tin tưởng rằng không có chuyện cấm đạo vì tôi biết Hồ Chí Minh quang đại, sáng suốt” [6, tr.309].

Trong thành phần Quốc hội, Hồ Chí Minh cũng tin tưởng trong sử dụng các đại biểu trí thức tôn giáo khác nhau (trí thức Công giáo có cụ Ngô Tử Hạ, luật sư Thái Văn Lung, linh mục Phạm Bá Trục; trí thức Phật giáo có Thượng tọa Thích Mật Thể; trí thức Đạo Cao Đài có cụ Cao Triều Phát...). Có thể nói, việc bầu linh mục, tiến sĩ Phạm Bá Trục làm Phó Trưởng ban thường trực Quốc hội khóa I (tháng 5 năm 1947) là một minh chứng hùng hồn nhất cho câu nói “tôi tin trí thức” của Người. Từ đây, trí tuệ và tài năng của một vị linh mục Công giáo được phát huy trong các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ hay Hội đồng hành chính kháng chiến. Linh mục Phạm Bá Trục trở thành sợi dây kết nối đồng bào công giáo với nhân dân cả nước. Linh mục Phạm Bá Trục thay mặt Quốc hội kêu gọi nhân dân kháng chiến, tham gia tranh luận quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước như lập hiến và lập pháp... Tài năng và phẩm chất đạo đức của linh mục, tiến sĩ Phạm Bá Trục càng được khẳng định trong Quốc hội và nhân dân. Do đó, trong suốt 8 năm giữ trọng trách cao cả mà nhân dân giao phó, linh mục Phạm Bá Trục luôn nỗ lực, tuyên truyền đường lối cách mạng của Đảng, vận động đồng bào Công giáo tham gia cách mạng góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc. Đó là minh chứng cho nhận xét: “Là một người con của một dân tộc có ý chí và khát vọng độc lập tự do, Phạm Bá Trục không thể không mang trong mình dòng máu và ý chí của dân tộc” [2, tr.17].

Trong thành phần của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bên cạnh

các trí thức cách mạng như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Văn Hiến, còn có những trí thức Công giáo như: Nguyễn Mạnh Hà (Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia), bác sĩ Vũ Đình Tụng (Bộ trưởng Bộ Thương binh)... Đây là những trí thức tôn giáo có trình độ chuyên môn cao. Hồ Chí Minh tin tưởng vào tài năng của họ trong việc giải quyết các công việc cấp bách của đất nước. Chính nhờ sự tín nhiệm của Hồ Chí Minh mà các trí thức tôn giáo đã phát huy được tài năng của mình. Có thể nói, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã khơi nguồn cho trí thức tôn giáo nhiệt tình tham gia công cuộc kháng chiến và kiến quốc theo tiếng gọi của non sông.

### **2.3. Về đời sống đối với trí thức tôn giáo**

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới đời sống của trí thức tôn giáo. Trong lúc đất nước còn khó khăn về vật chất, Người cũng thường xuyên chia sẻ, động viên tinh thần các trí thức tôn giáo. Dù bận mãi việc nước, nhưng mỗi lần nhận được thư của đồng bào tôn giáo nói chung và các trí thức tôn giáo nói riêng, Người luôn cẩn thận đọc, nghiên cứu và hồi thư với tinh thần tôn trọng và thân thiện.

Thấu hiểu nội tâm của các trí thức tôn giáo, nên dù không thể động viên trực tiếp hoặc viết thư riêng cho từng người mỗi dịp lễ, nhưng Người luôn có thư gửi chúc mừng đồng bào tôn giáo nói chung vào ngày lễ Noel, ngày lễ Phật đản và các dịp tết. Đó cũng chính là nguồn động viên tinh thần lớn lao, là động lực thôi thúc trí thức tôn giáo cống hiến hết mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh luôn tâm niệm rằng tất cả nhân dân Việt Nam là người thân của mình, nên khi nghe tin các chức sắc tôn giáo ốm đau, Người kịp thời thăm hỏi. Khi họ qua đời Người luôn kịp thời chia buồn với các tín đồ tôn giáo. Chẳng hạn, khi Giám mục Hồ Ngọc Cẩn qua đời, Người đã gửi điện văn cho giáo phận Bùi Chu: “Tôi rất lấy

làm đau đớn được tin Đức giám mục Hồ Ngọc Cẩn đã từ trần. Tiếc rằng vì chiến sự, tôi không thể về dự đám tang của Đức giám mục, tôi nhờ Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu III thay mặt tôi đến dự lễ và chia buồn cùng đồng bào Công giáo địa phận Bùi Chu” [6, tr.109]. Để đáp lại tấm lòng cao cả của Linh mục Phạm Bá Trực đối với dân tộc, trong lời diếu văn, Hồ Chí Minh đã thể hiện sự xót thương, sự kính trọng đối với một trí thức tôn giáo, một linh mục tận tụy vì nước vì dân: “Trong mọi việc, Cụ đã kết hợp đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy với tinh thần nồng nàn yêu nước của người đại biểu chân chính cho nhân dân Việt Nam” [2, tr.21].

Đối với người trí thức tôn giáo, mỗi lần được gặp gỡ, tiếp xúc với Hồ Chí Minh là một lần được khai tâm, khai trí. Họ luôn được Người tận tình chỉ bảo, căn dặn, góp ý, hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống tâm linh của nhân dân. Điều này được thể hiện rõ trong hồi ký của các chức sắc tôn giáo. Họ không chỉ khâm phục sự hiểu biết uyên bác, mà còn cảm động trước thái độ và cử chỉ chan hòa, thân mật, gần gũi của Người. Là một người ba lần được gặp Hồ Chí Minh, Hòa thượng Thích Đôn Hậu đã thể hiện sự ngưỡng mộ sâu sắc đối với Hồ Chí Minh: “Hồ Chủ tịch là một người yêu nước vĩ đại, tiếng tăm của Người thế giới đều biết. Người đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành được những thắng lợi lịch sử” [5, tr.67, 42]. Vì vậy, trước sự ra đi của Người, Hòa thượng vô cùng đau xót như mất đi một người thầy quý trọng nhất của đời mình. Đồng thời, Người đã trở thành tấm gương sáng, là động lực thôi thúc Hòa thượng đấu tranh trên con đường giải phóng dân tộc: “Tôi là một tu sĩ, lại là một tu sĩ hoạt động cách mạng. Tôi nguyện suốt đời đi theo con đường yêu nước, yêu dân mà Hồ Chủ tịch đã vạch ra” [5, tr.67, 42].

### 3. Kết luận

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn giáo nói chung và trí thức tôn giáo nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước kế thừa và vận dụng linh hoạt trong tình hình mới. Đảng và Nhà nước đã tiếp tục ban hành nhiều chính sách mới đảm bảo sự bình đẳng trong hoạt động của tôn giáo (như: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 1990 của Bộ Chính trị khóa VI; Nghị định số 69/1991/NĐ-HĐBT ngày 21 tháng 3 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tháng 7 năm 2004...) nhằm tạo nên sự ổn định trong đời sống tôn giáo và tạo điều kiện cho trí thức tôn giáo được tham gia và cống hiến trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, hiện nay, ở nước ta có 12 tôn giáo và 37 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước cấp, đăng ký hoặc công nhận về tổ chức và 01 pháp môn tu hành; với hơn 100.000 chức sắc, hơn 30 triệu tín đồ (chiếm 1/3 dân số cả nước). Tất cả các tôn giáo và tổ chức tôn giáo đều được Đảng và Nhà nước tạo điều kiện hoạt động theo đúng tư tưởng “đạo pháp dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, “sống phúc âm trong lòng dân tộc” mà Hồ Chí Minh đã đề ra. Đồng thời, Đảng và Nhà nước cũng đặc biệt quan tâm tới công tác đào tạo đội ngũ trí thức tôn giáo. Nếu năm 1993, cả nước mới có 22 trường trung cấp và cao đẳng Phật học, thì đến nay đã có 4 học viện Phật giáo và 49 trường sơ cấp, trung cấp và cao đẳng Phật học; Giáo hội Công giáo cũng đã có 6 Đại chủng viện hoạt động ở ba tỉnh. Ngoài hệ thống các trường này, theo nhu cầu của các tôn giáo, Đảng và Nhà nước còn tạo điều kiện cho các tín đồ tôn giáo, các trí thức tôn giáo được theo học ở hệ thống các trường cao đẳng và đại học trên cả nước.

Thực hiện tư tưởng của Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng tới phát huy vai trò của trí thức tôn giáo trong xây

dựng và hoạch định đường lối, Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, trong thành phần của đại biểu Quốc hội, thì số lượng đại biểu là người theo tôn giáo vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định. Chẳng hạn, Quốc hội khóa XIII (2011 - 2016), tỷ lệ đại biểu quốc hội theo tôn giáo là 6/500 (1,2%) tăng so với Quốc hội khóa X (1997 - 2002) là 0,17%, trong tổng số đại biểu Quốc hội thuộc các thành phần khác nhau. Mặt khác, Đảng và Nhà nước cũng luôn động viên, thăm hỏi kịp thời đối với các chức sắc tôn giáo trong các dịp lễ cũng như khi ốm đau, qua đời với sự thành kính và trân trọng những đóng góp của họ cho đất nước.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tín ngưỡng và tôn giáo cùng tồn tại. Để đảm bảo sự ổn định chính trị - xã hội, duy trì và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần phát huy hơn nữa vai trò của trí thức tôn giáo. Do đó, nhận thức về vai trò và vị trí của trí thức tôn giáo trong đời sống xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là việc làm thiết thực.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Báo *Nhân dân*, số 38 ngày 27 tháng 12 năm 1951.
- [2] Lê Mậu Hãn (2010), “Linh mục Phạm Bá Trục kính Chúa, yêu nước, người đại biểu chân chính cho nhân dân Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
- [3] Đỗ Quang Hưng (2005), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nhiều tác giả (2011), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Huy Thông (Tuyển chọn và giới thiệu) (2004), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào Công giáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] <http://btgcp.gov.vn>.

